

# CÁC ĐẶC KHU KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC NHỮNG GỢI Ý CHO VIỆT NAM

PGS.TS LÊ VĂN SANG – TS. NGUYỄN MINH HẰNG  
*Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*

**N**hiều nghiên cứu trên thế giới đi đến kết luận, sự phát triển kinh tế kỳ diệu của Trung Quốc 30 năm qua chủ yếu do chính sách cải cách mở cửa đưa đến, trong đó sự sáng tạo các hình thức mở cửa vùng ven biển – các đặc khu kinh tế từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ miền duyên hải tiến sâu vào lục địa đóng vai trò quyết định.

## I. VỀ CÁC LOẠI HÌNH ĐẶC KHU KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC

Nền kinh tế thị trường XHCN đặc sắc Trung Quốc là nền kinh tế mở thành công bậc nhất trên thế giới hiện nay. Từ khi xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN đặc sắc Trung Quốc, họ đã xác định rõ chiến lược mở cửa với bên ngoài ở nhiều cấp độ, “trọng điểm mở cửa khu vực duyên hải, từng bước mở cửa lục địa”, hình thành kết cấu mở toàn diện, đa tầng. Nội dung cụ thể gồm: xây dựng các khu kinh tế đặc biệt (gọi tắt là đặc khu), các thành phố mở cửa duyên hải, xây dựng các khu khai phát kinh tế

duyên hải, khu vực kinh tế mở vùng biên, khu vực kinh tế mở vùng sông, thành phố mở lục địa. Sau khi Hồng Kông, Ma Cao trở về với Trung Quốc, họ thực hiện chính sách “một quốc gia hai chế độ”, xây dựng đặc khu hành chính Hồng Kông, Ma Cao, giữ nguyên hệ thống kinh tế tự do của hai vùng này, biến chúng thành cầu nối quan trọng giữa kinh tế đại lục với kinh tế thế giới, thúc đẩy cải cách kinh tế Trung Quốc đi vào tầng sâu, phát triển thị trường hiện đại, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Xét về mặt sáng tạo ra các loại hình khu kinh tế tự do ở một quốc gia đang phát triển chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường, thì Trung Quốc xứng đáng nhận tám huy chương quán quân thế giới.

Dù tên gọi khác nhau, mức độ tự do hoá mở cửa đối ngoại khác nhau, các đặc khu kinh tế của Trung Quốc đều có đặc điểm chung là đều có chính sách kinh tế đặc biệt và những mục tiêu đặc biệt ở

một khu vực được xác định. Nghiên cứu của Guang Wen Meng (2003) đã gộp các đặc khu kinh tế của Trung Quốc với những tên gọi khác nhau vào một khái niệm chung là các khu kinh tế tự do, và theo ông, các khu kinh tế tự do Trung Quốc được phân loại thành Khu kinh tế tự do tổng hợp, Khu kinh tế tự do chế tạo, Khu kinh tế tự do khoa học – thương mại và Khu kinh tế tự do xuyên biên giới, với rất nhiều dạng và tên gọi khác nhau như Đặc khu kinh tế (SEZ), Khu phát triển kinh tế và công nghệ (TEDZ), các khu phát triển tổng hợp (CDZ), các khu công nghệ cao mới (NHIP), các khu thương mại tự do (FTZ), các khu thương mại biên giới (FFTZ), các tam giác tăng trưởng (GT), các khu chế xuất (EPZ), các đặc khu hành chính Hồng Kông, Ma Cao.

Các khu kinh tế tự do ở Trung Quốc được nhiều nghiên cứu đánh giá là thành công. Rất nhiều hình thái mới của các khu kinh tế tự do đã đóng vai trò chi phối sự phát triển nhanh của nền kinh tế Trung Quốc 30 năm qua, thúc đẩy cải cách Trung Quốc tiến vào chiều sâu, từng bước hình thành nền kinh tế thị trường hiện đại.

Sau đây là những loại hình khu kinh tế tự do của Trung Quốc theo cách phân loại của nghiên cứu này.

### **1. Đặc khu kinh tế tổng hợp đặc biệt, gọi tắt là đặc khu kinh tế**

Đặc khu kinh tế là “cửa ngõ” mở cửa đối ngoại của Trung Quốc, là con đường đặc biệt để nước này tận dụng nguồn vốn nước ngoài, thu hút kỹ thuật tiên tiến,

tiếp cận thị trường quốc tế. Theo cách nói của Đặng Tiểu Bình (tháng 11/1984) là các đặc khu kinh tế phải hoàn thành nhiệm vụ “4 cửa sổ” là cửa sổ kỹ thuật, cửa sổ quản lý, cửa sổ tri thức và cửa sổ chính sách đối ngoại. Chính phủ Trung Quốc áp dụng chính sách và cơ chế quản lý kinh tế riêng đối với đặc khu kinh tế. Chủ yếu là:

- Đặc khu được xây dựng chủ yếu để tận dụng nguồn vốn nước ngoài; cơ cấu của đặc khu kinh tế là sự tổng hợp của các loại thành phần kinh tế gồm doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tập thể, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài v.v... vận động theo kinh tế thị trường trong sự quản lý của một chính quyền đặc khu.

- Đưa ra thực hiện nhiều chính sách ưu đãi và thuận tiện trong xuất nhập cảnh cho các thương gia nước ngoài vào đầu tư.

- Quyền hạn quản lý kinh tế của chính quyền đặc khu khá lớn. Từ năm 1980 Quốc Vụ viện Trung Quốc đã lần lượt quyết định các đặc khu kinh tế tổng hợp là Thâm Quyến, Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn và Hải Nam.

### **2. Khu khai thác phát triển kinh tế kỹ thuật (gọi tắt là khu khai phát)**

Năm 1984, sau khi trực tiếp thị sát đặc khu Thâm Quyến, Đặng Tiểu Bình khẳng định quyết sách phát triển đặc khu kinh tế, ông nói: “Chúng ta thành lập đặc khu, thực hiện chính sách mở cửa, phải xác định rõ tư tưởng chỉ đạo, đó là mở chứ không phải thu.” “Ngoài những đặc khu hiện nay ra, có thể tính đến việc mở thêm vài khu vực nữa, tăng

thêm vài thành phố mở cửa duyên hải. *Những khu này không gọi là đặc khu, nhưng có thể áp dụng một số chính sách của đặc khu.* Theo quyết định của TW Đảng Cộng sản và Quốc Vụ viện Trung Quốc, từ 26-3 đến 6-4-1984 tại Bắc Kinh đã diễn ra hội nghị bàn về phát triển các thành phố mở cửa vùng duyên hải. Hội nghị đã tiếp thu ý kiến chỉ đạo của nhà kiến trúc sư "cải cách mở cửa" Trung Quốc - Đặng Tiểu Bình về việc mở cửa với nước ngoài và những vấn đề liên quan đến đặc khu; đã nhấn mạnh đến các vấn đề như làm thế nào để có những bước đột phá, mở cửa rộng hơn, tận dụng vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn, thu hút kỹ thuật tiên tiến của thế giới. Hội nghị đã đưa ra việc từng bước xây dựng các khu khai thác phát triển kinh tế kỹ thuật (gọi tắt là khu khai phát) và thành phố mở cửa ven biển.

Trong bối cảnh lịch sử đó, từ năm 1984 đến năm 1986, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã lần lượt phê chuẩn việc thành lập 14 khu khai phát cấp quốc gia đầu tiên. Cùng với việc không ngừng cải cách thể chế kinh tế, Trung Quốc áp dụng hai chiến lược lớn ở hai khu vực công nghiệp truyền thống với việc hình thành cục diện mở cửa đối ngoại toàn diện, phạm vi rộng, nhiều tầng bậc và việc mở rộng khu phía Tây, chấn hưng Đông Bắc v.v..., đến cuối năm 2006 đã có 54 khu khai phát cấp nhà nước được Quốc Vụ viện phê chuẩn thành lập, từ 14 thành phố mở cửa duyên hải được phê chuẩn đầu tiên mở rộng ra 31 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trong cả nước. Trong đó 10 tỉnh thành duyên hải (gồm cả Bắc Kinh) đã thành lập 32 khu; 8 tỉnh

thành Trung bộ thành lập 9 khu; 12 tỉnh thành phía Tây (gồm cả Quảng Tây) đã xây dựng được 13 khu. Tổng diện tích quy hoạch của 54 khu khai phát cấp nhà nước này là 888 km<sup>2</sup>, trong đó 32 khu ở phía Đông chiếm 682,02 km<sup>2</sup>, 9 khu Trung bộ chiếm 93,74 km<sup>2</sup>, 13 khu ở phía Tây chiếm 111,75 km<sup>2</sup>.

Cùng với sự phát triển các khu khai phát cấp quốc gia, các địa phương cũng phát triển rất mạnh các khu khai phát. Năm 2003 con số khu khai phát cấp địa phương lên tới 6.866 khu. Sự lạm dụng quỹ đất và sự kém hiệu quả của nhiều địa phương đã buộc nhà nước phải điều chỉnh. Năm 2004, số khu khai phát cấp địa phương giảm xuống còn 2.053 khu, diện tích quy hoạch được rút xuống từ 386 ngàn km<sup>2</sup> xuống còn 137 ngàn km<sup>2</sup>.<sup>(1)</sup>

Mục tiêu của các khu khai phát là phát huy tối đa ưu thế vốn có của thành phố, trong một thời gian ngắn xây dựng môi trường tốt đẹp để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, học hỏi kinh nghiệm quản lý kinh tế hiện đại, thúc đẩy kinh tế và kỹ thuật địa phương phát triển hơn. Theo cách nói của người Trung Quốc, phải "làm tổ cho phượng hoàng đến đẻ trứng".

Biện pháp chính sách phát triển các khu khai phát như Đặng Tiểu Bình nói: "... không gọi là đặc khu nhưng có thể áp dụng một số chính sách của đặc khu". Trên thực tế, các chính sách phát triển thành công ở các đặc khu kinh tế đều được ứng dụng vào các khu khai phát với nhiều khía cạnh ưu đãi hơn để thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt đầu tư của các công ty xuyên quốc gia.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và kinh tế thế giới, kỹ thuật cao mới và sự phát triển của nó đã trở thành hạt nhân của cạnh tranh quốc tế, trở thành giường cột cho sự phát triển kinh tế, là tiêu chí của nguồn lực tổng hợp đất nước. Do vậy chính phủ Trung Quốc đã áp dụng các chính sách đặc biệt, thúc đẩy các khu khai phát hướng vào phát triển các kỹ thuật cao mới. Do vậy khu khai phát trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của chiến lược phát triển kỹ thuật cao mới của đất nước, đang phát triển nhanh chóng, trở thành khu vực phát triển đa dạng hoá kỹ thuật cao mới của Trung Quốc. Những thành công tiêu biểu của các khu khai phát này như Khu công nghệ cao Quận Trung Thôn (Bắc Kinh), Khu khai phát Nam Thông v.v... (sẽ được phân tích kỹ ở phần sau).

### **3. Thành phố mở cửa**

Sau những thành công bước đầu của các đặc khu kinh tế, Đặng Tiểu Bình đã chỉ đạo xây dựng các đặc khu mới như trên, đồng thời chỉ đạo mở cửa một số thành phố ven biển.

Với tinh thần đó, tháng 4-1984, Trung ương ĐCS và Quốc Vụ viện Trung Quốc quyết định mở cửa 14 thành phố ven biển: Thiên Tân, Thượng Hải, Đại Liên, Tân Hoàng Đảo, Yên Đài, Thanh Đảo, Liên Vận Cảng, Nam Thông, Ninh Ba, Ôn Châu, Phúc Châu, Quảng Châu, Trạm Giang, Bắc Hải. Tổng diện tích 14 thành phố là hơn 10 vạn km<sup>2</sup>, dân số 45,38 triệu người, 14 thành phố này đều là những nơi kinh tế phát đạt. Giá trị sản lượng công nghiệp chiếm 1/4, giá trị

sản lượng nông nghiệp chiếm 23% sản lượng cả nước. Thu nhập quốc dân, thu nhập tài chính chiếm vị trí trọng yếu. Giao thông của 14 thành phố tương đối thuận tiện, lượng vận chuyển đường bộ và đường thủy chiếm 1/5, lượng bốc dỡ của các cảng ven biển chiếm 97%.

Lực lượng khoa học kỹ thuật chiếm 12-17%. Trình độ kỹ thuật và quản lý tương đối cao và có nhiều năm kinh nghiệm về hoạt động ngoại thương. Xuất khẩu mậu dịch đối ngoại chiếm 40% của cả nước.

Mục đích mở cửa những thành phố này là để mở rộng hơn việc hợp tác kỹ thuật và giao lưu kinh tế với bên ngoài, bước những bước lớn hơn trong việc lợi dụng FDI, thu hút khoa học kỹ thuật tiên tiến. Nội dung cơ bản của nó bao gồm: *một là*, mở rộng quyền hoạt động kinh tế đối ngoại của các thành phố và tăng thêm quyền tự chủ của chúng, chủ yếu là nới rộng quyền xét duyệt và phê chuẩn các hạng mục xây dựng bằng vốn FDI. *Hai là*, cho các nhà đầu tư được hưởng những chính sách ưu đãi. Những nơi này không gọi là đặc khu kinh tế nhưng cho phép thực hiện một số chính sách như đặc khu. Chẳng hạn như lợi nhuận của các xí nghiệp "ba vốn" chỉ bị đánh thuế 15% như đặc khu, trong khi những nơi khác phải chịu từ 20 - 40%. *Ba là* cho các thành phố mở cửa ven biển được dựa vào ưu thế của mình, phát triển thử nghiệm các loại hình kinh tế tự do như khu khai phát kinh tế kỹ thuật, khu gia công xuất khẩu, khu bảo thuế. Chẳng hạn, tháng 4/1990, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã phê chuẩn xây dựng khu mới Phố Đông ở Thượng Hải, thực chất

là một loại đặc khu kinh tế cao cấp hơn cả 5 đặc khu kinh tế phát triển trước đó (sẽ phân tích ở sau) và quyết định thành lập Khu bảo thuế ở khu mới Phố Đông Thượng Hải nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tăng nhanh các khu vực trọng điểm. Từ đó đến nay đã phê chuẩn thành lập thêm các khu bảo thuế như Thiên Tân, Phúc Điền Thâm Quyến, Đại Liên, Hoàng Châu, Thanh Đảo, Trương Gia Cảng v.v... Vai trò của khu bảo thuế là hướng đến tự do thương mại và dịch vụ gia công xuất khẩu, thúc đẩy phát triển nền kinh tế hướng ngoại.

Thành công của 14 thành phố mở cửa duyên hải đã tạo cho Trung Quốc niềm tin, mạnh dạn thúc đẩy xây dựng các tỉnh thành mở cửa lục địa, đặc biệt là các tỉnh thành mở cửa vùng biên giới. Gần đây tại các tỉnh thành mở cửa biên giới, Trung Quốc cho phép vận dụng mọi loại hình kinh tế mở cửa tại các vùng cửa khẩu quốc gia như khu chế xuất, khu bảo thuế, khu kinh tế xuyên quốc gia v.v.... Chẳng hạn dọc biên giới Trung - Việt, Trung Quốc đang triển khai quy hoạch phát triển thị trấn Đông Hưng (giáp Móng Cái, Việt Nam), Bằng Tường (giáp Lạng Sơn, Việt Nam), Hà Khẩu (giáp Lào Cai, Việt Nam) thành các đô thị mở cửa biên giới. Tình hình tương tự cũng đã diễn ra ở các cửa khẩu quốc gia giáp Lào, giáp Mianma của Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc nhiều năm qua đã chuẩn bị cơ sở hạ tầng khá tốt: đường cao tốc, đường sắt... nối các tỉnh thành phía Tây và vùng trung nguyên với các tỉnh thành mở cửa biên giới này để hội

nhập kinh tế mạnh hơn xuống phía Nam, trước hết là các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng, các nước Đông Nam Á và Nam Á. Bằng các loại hình kinh tế tự do khác nhau này, họ đang triển khai chiến lược mở cửa toàn diện, mở cả bên trong, mở ra bên ngoài, tạo thế và lực cho Trung Quốc hội nhập sâu, toàn diện vào thế giới.

#### **4. Phát triển liên kết kinh tế vùng ven biển, tạo dựng các cực tăng trưởng kinh tế**

Sự thành công của chính sách đặc khu kinh tế và thành phố mở cửa ven biển đã thúc đẩy Trung Quốc xây dựng sáng tạo mô hình liên kết kinh tế tiểu vùng ven biển, tạo ra các cực tăng trưởng mạnh của đất nước. Thông qua việc tạo điều kiện bằng các chính sách ưu đãi, khu vực ven biển tích cực phát huy ưu thế vốn cổ, tiếp nhận sự di chuyển những ngành nghề ở nấc thang cao trong tiểu vùng; đồng thời tích lũy tư bản, nâng cao hiệu quả, không ngừng đổi mới, nhanh chóng trở thành trung tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của toàn quốc thông qua sự tăng trưởng nhảy vọt. Đến nay khu vực ven biển đã lần lượt hình thành bốn cực tăng trưởng kinh tế cấp nhà nước gồm “Tam giác tăng trưởng Trường Giang”, “Tam giác tăng trưởng Châu Giang”, “Khu mới Tân Hải” và “Khu kinh tế Vịnh Bắc Bộ Quảng Tây”.

##### *1. Tam giác tăng trưởng Châu Giang*

Năm 1994, chính quyền tỉnh Quảng Đông xác định khu kinh tế tam giác Châu Giang chủ yếu gồm Quảng Châu, Thâm Quyến, Chu Hải, Phật Sơn, Giang Môn, Đông Hoãn, Trung Sơn và Huệ Thành, Huệ Dương, Huệ Đông, Bắc La

của thành phố Huệ Châu, và khu Đoạn Châu, khu Đỉnh Hồ, Cao Yếu, Tứ Hội của Triệu Khánh, chiếm 26% tổng diện tích của toàn tỉnh Quảng Đông. Tam giác Châu Giang gần biển, nằm sát Hồng Kông, Ma Cao, có ưu thế khu vực rõ rệt. Trước hết là sự mở rộng và di chuyển hướng ngoại của các ngành chế tạo Hồng Kông do yêu cầu nâng cấp ngành nghề, với vị thế sát Hồng Kông, Tam giác Châu Giang có ưu thế không nơi nào sánh được. Thứ hai, quá trình cải cách mở cửa đã tăng cường quan hệ kinh tế giữa Quảng Đông, Hồng Kông và Ma Cao. Thứ ba, về mặt địa lý, Tam giác Châu Giang là khu vực có mối liên hệ sâu rộng nhất với kinh tế Hồng Kông so với các khu vực khác của Trung Quốc.

Tam giác Châu Giang không ngừng phát triển dưới tác dụng trợ giúp của các chính sách và ưu thế bản thân, không ngừng thúc đẩy các khu vực xung quanh cùng phát triển, đã trở thành cực tăng trưởng số một của Trung Quốc.

### **2. Tam giác tăng trưởng Trường Giang**

Tam giác tăng trưởng Trường Giang là chỉ 15 thành phố cấp địa khu trở lên trong đó dẫn đầu là Thượng Hải, gồm: Nam Kinh, Trấn Giang, Dương Châu, Thái Châu, Nam Thông, Tô Châu, Vô Tích, Thường Châu của Giang Tô và Hàng Châu, Gia Hưng, Hồ Châu, Ninh Ba, Thiệu Hưng, Châu Sơn của Triết Giang v.v.... Tam giác Trường Giang gần biển Đông, biển Hoàng Hải và Trường Giang, sát bên “bờ biển vàng” và “đường thủy vàng”, vừa hướng ra biển, lại kề bên Trường Giang, sát với lục địa, có ưu thế khu vực phát triển giao thông với các

khu vực trên thế giới. Dưới sự thúc đẩy của khu khai phát Phố Đông và ảnh hưởng qui tụ của Thượng Hải, tam giác Trường Giang đã hình thành một loạt khu tập trung ngành nghề, như xe hơi, linh phụ kiện xe hơi, công nghiệp hoá chất, điện tử, v.v..., tam giác Trường Giang trở thành cực tăng trưởng thứ hai thúc đẩy kinh tế phát triển.

3. Khu vực vành đai Bột Hải với hạt nhân là khu mới Tân Hải trở thành cực tăng trưởng thứ ba thúc đẩy kinh tế phát triển. Khu vực vành đai Bột Hải gồm 5 tỉnh (Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Đông, Sơn Tây, Trung bộ Nội Mông Cổ), 2 thành phố (Bắc Kinh, Thiên Tân), phân bố thành một vành đai Đông có tới mười mấy thành phố ven biển từ Đan Đông đến Thanh Đảo. Khu vực vành đai Bột Hải hướng ra vùng Đông Bắc Á và Thái Bình Dương mang tính tổng thể khu vực, có nhiệm vụ khai thác vùng Đông Bắc Á, hướng ra thế giới. Đồng thời, khu vực vành đai Bột Hải thuộc khu giao nhau giữa bốn khu kinh tế lớn của Trung Quốc là Đông Bắc, Hoa Bắc, Tây Bắc và Hoa Đông, là con đường trực tiếp nhất, thuận tiện nhất trên biển để phía Bắc Trung Quốc nối với thế giới, cũng là cơ sở quan trọng để lục địa nối liền Âu - Á, còn là sợi dây quan trọng để kinh tế Trung Quốc mở rộng từ Đông sang Tây, chuyển dịch từ Nam lên Bắc. Do khu vực này là khu trung gian phía Tây nối Trung Quốc - Nga - Mông Cổ, phía Đông nối Trung Quốc - Nhật Bản - Hàn Quốc, do vậy còn có cơ sở hùng hậu trời cho để phát triển kinh tế của khu vực này và có đường giao thông trên biển nối ra thế giới.

4. Khu mới Vịnh Bắc Bộ được xem là cực tăng trưởng thứ tư của Trung Quốc, đó là khu kinh tế của khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây được hình thành bởi khu hành chính trực thuộc của các thành phố Nam Ninh, Bắc Hải, Khâm Châu, Cảng Phòng Thành, là hạt nhân của khu kinh tế Vịnh Bắc Bộ. Khu mới Vịnh Bắc Bộ được Quốc Vụ viện Trung Quốc phê chuẩn quy hoạch phát triển vào tháng 1/2008, là bộ phận hợp thành của khu mật dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, vành đai kinh tế tam giác Châu Giang mở rộng và vành đai kinh tế Đại Tây Nam; là cửa ngõ quan trọng để Trung Quốc mở cửa với bên ngoài, nối với ASEAN và hướng ra thế giới, cũng là một trong những khu khai phát trọng điểm trong Quy hoạch 5 năm lần thứ XI của nước này, có ưu thế khu vực rõ rệt, vị trí chiến lược nổi bật. Vì ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng rất mạnh của nó đến Việt Nam, nên khu mới Vịnh Bắc Bộ này sẽ được nghiên cứu sâu ở phần sau.

Khu mới Vịnh Bắc Bộ kề sát khu vực Tây Nam gồm Vân Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu, Trùng Khánh; phía Đông tiếp giáp với vành đai kinh tế Quảng Đông, Hồng Kông, Ma Cao; phía Tây giáp Việt Nam, đồng thời là láng giềng gần gũi với Thái Lan, Lào, Campuchia, Mianma, v.v...; phía Nam là các nước Xingapo, Malaixia, Philippin v.v.... Về vị trí địa lý, Khu mới Vịnh Bắc Bộ là điểm hội tụ giữa Đông Nam Á với Trung Quốc đại lục, có ưu thế khu vực hướng ngoại thuận lợi để tham gia vào sự phân công quốc tế hiện đại, đồng thời có điều kiện để mở rộng ngã tư giao thông đường biển đường bộ thuận tiện với thị trường Đông Nam Á.

Trung Quốc coi trọng phát triển kinh tế ven biển, lần lượt xây dựng 3 trung tâm tăng trưởng là tam giác Châu Giang, tam giác Trường Giang và vành đai kinh tế quanh Bột Hải. Năm 2004, 3 vành đai kinh tế lớn này chiếm hơn 10% dân số cả nước, đã tạo ra 41% giá trị GDP của cả nước, và ngày càng phát triển, đang nắm giữ vai trò ngày càng quan trọng.

Ven biển Trung Quốc giống như chiếc cung, Vịnh Bột Hải, Vịnh Bắc Bộ là hai đầu của chiếc cung, tam giác Châu Giang, tam giác Trường Giang là thân cung, khu vực nội địa rộng lớn từ Đông Bắc sang Tây Nam là dây cung, với mạng lưới giao thông từ Tây sang Đông, hệ thống sông Châu Giang, Trường Giang làm thân mũi tên, phóng ra thị trường bên ngoài. Từ chiếc cung này có thể thấy, khu mới Vịnh Bắc Bộ là bộ phận quan trọng không thể thiếu được. Sự phát triển kinh tế của một nước Trung Quốc mới giống như "cây cung bắn tên", thực hiện chiến lược phát triển ưu tiên khu vực, tích lũy lực lượng, tập trung hỏa lực để đột phá trọng điểm. Muốn cho "cung" được cân, phải tăng cường đầu kia của cung - khu mới Vịnh Bắc Bộ, tức là thúc đẩy khu mới Vịnh Bắc Bộ nhanh chóng phát triển. Như vậy có thể giúp vòng cung được cân, dây cung được căng, sức mạnh lớn, mũi tên mạnh, sức bắn xa, tức là thúc đẩy kinh tế của khu vực Đại Tây Nam phát triển nhanh chóng, thúc đẩy kinh tế ven biển và nội địa, kinh tế phía Đông và phía Tây, kinh tế giữa Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan với Trung Quốc đại lục liên kết với nhau một cách thuận lợi, mở rộng

mức độ mở cửa với bên ngoài của toàn bộ nền kinh tế Trung Quốc.

### 5. Đặc khu hành chính Hồng Kông, Ma Cao

Thế giới thừa nhận Hồng Kông và chừng nào đó cả Ma Cao là đô thị quốc tế hoá có hệ thống kinh tế tự do nhất, cạnh tranh nhất thế giới hiện nay. Trong báo cáo về “Chỉ số mức độ tự do hoá kinh tế toàn cầu” năm 2007 công bố trên tờ “Nhật báo phố Wall” (Mỹ) thì Hồng Kông liên tục 13 năm được liệt vào danh sách các nền kinh tế tự do nhất thế giới.

Bằng chính sách “một quốc gia hai chế độ”, đặc khu hành chính Hồng Kông, Ma Cao thực sự trở thành loại đặc khu kinh tế phát triển cao nhất Trung Quốc hiện nay, có vai trò quan trọng đối với công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc, được Trung Quốc coi là cửa lớn phía Nam mở ra thế giới, là “cầu nối” kinh tế trong nước với thế giới, thúc đẩy nâng cấp kết cấu ngành nghề kinh tế trong nước, góp phần to lớn đối với sự phát triển ngoạn mục của Trung Quốc những năm qua, tiếp tục phát huy vai trò động lực thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển, hội nhập quốc tế trong thời gian tới.

Giáo sư Phritman - đại biểu “Phái tiền tệ” - người được giải thưởng Nobel kinh tế đã luôn cổ vũ mô hình kinh tế tự do Hồng Kông, nhiều lần nhấn mạnh Hồng Kông là thành trì của chế độ kinh tế tự do và thường nói với mọi người rằng “Muốn biết nền kinh tế tự do vận hành thế nào, xin mời đến Hồng Kông sẽ rõ”, rằng “Cải cách của Nga không hiệu quả bằng Trung Quốc, vì Nga không có

Hồng Kông”. Ông cho rằng do chính quyền luôn giảm thiểu can dự nên Hồng Kông mới có thể phát triển thành một trong những trung tâm kinh tế toàn cầu, và thu nhập bình quân đầu người mới có thể tăng nhanh lên ngang mức thu nhập của cư dân nước Anh chỉ trong vòng mấy chục năm. Ông còn cho rằng, phải chăng vận mệnh của Trung Quốc sẽ được quyết định bởi việc đại lục dựa vào đường lối của Hồng Kông mạnh hơn hay Hồng Kông dựa vào đường lối của đại lục nhiều hơn<sup>(2)</sup>.

## II. MỘT SỐ KẾT LUẬN RÚT RA QUA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC ĐẶC KHU KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC

### 1. Sự lựa chọn địa điểm xây dựng đặc khu kinh tế

Tại sao Trung Quốc quyết định xây dựng đặc khu kinh tế này? Đó là vì các nơi này đều có lịch sử lâu dài tiếp xúc với nước ngoài của Trung Quốc, nằm sát các thị trường tư bản (Thâm Quyến tiếp giáp với Hồng Kông, Chu Hải nằm cạnh Ma Cao, Sán Đầu và Hạ Môn đối diện với Đài Loan), giao thông đường biển, đường sông rất thuận tiện với bên ngoài. Các đặc khu này còn là quê hương của hàng chục triệu người Hoa và Hoa kiều ở nước ngoài. Họ có vốn, có khả năng quản lý hiện đại, có kinh nghiệm hoạt động tài chính, có kiến thức tiếp thị... Nhiều người trong số họ giữ những vị trí quan trọng trong hầu hết các ngành kinh doanh khắp Đông Nam Á.

Các đặc khu này đều chọn nơi có cảng biển nước sâu và chọn vùng đất hoang hoá hoặc vùng đất thưa dân gần biển. Chẳng hạn đặc khu Thâm Quyến được



xây dựng tại một làng chài rất nghèo dân thưa, có cảng nước sâu, tiếp giáp với Hồng Kông.

**Đặc khu kinh tế Thâm Quyến:**

Ban đầu được xây dựng trên khu đất của một làng chài đánh cá ven sông thuộc huyện Bảo An, giáp ranh với thị trấn nhỏ Thâm Quyến có diện tích không đầy 2 km<sup>2</sup>, số dân không tới 20.000 người. Hiện nay đặc khu này đã mở rộng diện tích lên 327,5 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 3 triệu người.

Thành công vượt trội của đặc khu Thâm Quyến gắn chặt với địa lý của nó. Nằm dọc theo bờ biển phía Nam Trung Quốc thuộc tỉnh Quảng Đông. Phía Đông giáp Vịnh Đại Bàng, có cảng nước sâu, phía Tây giáp với cửa sông Châu Giang, phía Nam giáp Hồng Kông. Thâm Quyến cách Quảng Châu 147 km, cách Châu Long 32 km và cách Hồng Kông chỉ khoảng nửa giờ đi tàu thủy.

**Đặc khu kinh tế Chu Hải:** nằm ở phía Nam thành phố Chu Hải, Đông Nam tỉnh Quảng Đông, trên tả ngạn sông Châu Giang. Chu Hải cách Hồng Kông 36 hải lý về phía Đông, phía Nam nằm sát Ma Cao, cách Quảng Châu 156 km<sup>2</sup> về phía Bắc. Diện tích ban đầu được quy định là 6,7 km<sup>2</sup>. Tháng 6-1983 được điều chỉnh là 15,16 km<sup>2</sup>. Năm 1988 được mở rộng tới 121 km<sup>2</sup>. Dân số trên 1 triệu người.

**Đặc khu kinh tế Sán Đầu:** nằm ở vùng ngoại ô phía Đông thành phố Sán Đầu thuộc tỉnh Quảng Đông. Bước đầu đặc khu có diện tích 1,67 km<sup>2</sup>. Đến tháng 11-1984 điều chỉnh lên 52,6 km<sup>2</sup>. Tháng 4-1991 được mở rộng đến 234 km<sup>2</sup>. Từ xa xưa, Sán Đầu đã có cửa khẩu giao dịch

với nước ngoài, là quê hương của một số lớn người Hoa và Hoa kiều. Có tới hơn 6 vạn người Hoa quê ở Sán Đầu hiện đang sống ở Hồng Kông.

**Đặc khu kinh tế Hạ Môn:** lúc đầu có diện tích 2,5 km<sup>2</sup> ở vùng bờ biển Tây Bắc đảo Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến. Tháng 5 năm 1984 được mở rộng và toàn bộ đảo Hạ Môn với diện tích 131 km<sup>2</sup> gồm cả đảo nhỏ Cổ Lăng. Cảng Hạ Môn cách Hồng Kông 287 hải lý, cách Cao Hùng (Đài Loan) 156 hải lý. Hạ Môn có đường bờ biển dài 234 km, trong đó có 40 km biển nước sâu. Giao thông đường bộ, đường thủy, đường thông rất thuận lợi.

**Đặc khu kinh tế Hải Nam:** nằm ở cực Nam của Trung Quốc, có diện tích là 3,4 vạn km<sup>2</sup>, là đặc khu kinh tế lớn nhất Trung Quốc, Hải Nam có vị trí độc đáo, có đường biển gần nhất nối Trung Quốc với châu Âu, châu Phi, châu Đại Dương và Nam Á.

Đặc khu kinh tế Hải Nam được chia thành 5 vùng phát triển kinh tế. Vùng kinh tế phía Bắc gồm thành phố Hải Khẩu và 3 huyện ngoại vi, tập trung phát triển ngành dệt, cơ khí điện tử. Vùng kinh tế phía Nam gồm thành phố Tam Á và 3 huyện ngoại vi, tập trung phát triển du lịch và một số ngành công nghiệp. Vùng kinh tế phía Đông tập trung phát triển nông nghiệp và công nghiệp hướng về xuất khẩu. Vùng kinh tế Tây Bắc có nhiều tài nguyên phát triển khí đốt, dầu lửa và hải sản. Vùng kinh tế Tây Nam có nhiều quặng nên phát triển các ngành công nghiệp nặng như thép, vật liệu xây dựng, hoá chất. Hải Nam có lực lượng đông đảo người

Hoa và Hoa kiều sống ở 50 nước và khu vực trên thế giới.

## 2. Đặc điểm của các đặc khu kinh tế Trung Quốc

Các đặc khu kinh tế (Special Economic Zones- Sezs) của Trung Quốc có dáng dấp như các khu chế xuất (Export Processing Zones-EPZs) ở một số nước đang phát triển được thành lập để thu hút FDI, áp dụng và chuyển giao công nghệ mới và kỹ năng quản lý, mở rộng xuất khẩu, tạo công ăn việc làm, tạo thuận lợi cho nền kinh tế phát triển liên kết kinh tế trong và ngoài đặc khu.

Nhưng đặc khu kinh tế của Trung Quốc không hoàn toàn là bản sao của FPZs, nó có nhiều nét riêng sáng tạo.

*Một là*, chúng được lập ra trong một nhà nước XHCN, với một nền kinh tế kế hoạch, còn hầu hết EPZs được lập ra trong các nước có nền kinh tế thị trường. Xây dựng đặc khu kinh tế, trên thực tế là phá bỏ nền kinh tế kế hoạch tập trung, phát triển kinh tế thị trường trong một khu vực xác định, do vậy chúng không chỉ là nơi thử nghiệm quan trọng các kỹ thuật và phương pháp quản lý của phương Tây, mà còn là nơi thử nghiệm cơ chế kinh tế thị trường. Do quy mô nhỏ của chúng so với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đặc khu kinh tế được coi là những nơi thử nghiệm các thể chế quản lý kinh tế thị trường và các chính sách kinh tế theo thông lệ quốc tế. Những thử nghiệm này nếu thành công và tỏ ra có lợi cho sự phát triển kinh tế quốc dân thì sẽ được áp dụng rộng rãi hơn, đó là cách đi từ điểm đến diện, kiểu dò đá qua sông của người Trung Quốc.

*Hai là*, đặc khu kinh tế của Trung Quốc có quy mô lớn hơn nhiều so với hầu hết EPZs. Chẳng hạn EPZ Masan của Hàn Quốc rộng 175 ha, so với đặc khu kinh tế Thâm Quyển của Trung Quốc 32.750 ha, càng không thể so với đặc khu kinh tế Hải Nam là cả một tỉnh đảo rộng tới 3,4 vạn km<sup>2</sup>.

*Ba là* mục tiêu của đặc khu kinh tế Trung Quốc rộng lớn và phong phú hơn nhiều EPZs là nơi chủ yếu hướng về xuất khẩu, còn đặc khu kinh tế Trung Quốc đều thực hiện nhiệm vụ kép gồm “ngoại biên” (đưa đầu tư và kỹ thuật nước ngoài vào) và “nội biên” (thiết lập mối quan hệ với các xí nghiệp nội địa Trung Quốc), có nghĩa là những kỹ thuật tiên tiến và kinh nghiệm quản lý du nhập từ nước ngoài, thông qua tiêu hóa, hấp thụ, truyền đạt sẽ được chuyển vào nội địa phát triển kinh tế nội địa theo mô hình hướng ra bên ngoài. Do vậy, đặc khu kinh tế của Trung Quốc ngoài chế biến xuất khẩu còn khuyến khích các nhà đầu tư hướng vào nhiều lĩnh vực hơn EPZs như nông nghiệp, công nghiệp, du lịch v.v... và còn mục tiêu quan trọng khác nữa là xây dựng thể chế kinh tế thị trường theo thông lệ quốc tế, đúng như nguyên Thủ tướng Triệu Tử Dương nói: “nó nhảy ra khỏi thể chế hiện hành”.

*Bốn là* các đặc khu kinh tế Trung Quốc mang tính chất không nơi nào trên thế giới có như Harry Hardin nhận định trong cuốn *Cuộc cách mạng thứ hai của Trung Quốc* vì chúng còn có những trách nhiệm phụ nhưng rất quan trọng, đó là nhiệm vụ cầu nối Trung Quốc với Hồng Kông, Ma Cao và qua đây với các

nước trên thế giới, là những phòng thí nghiệm trong đó các kỹ thuật quản lý mới và các chính sách kinh tế mới được thử nghiệm trước khi được áp dụng tại những nơi khác ở Trung Quốc; là những máy lọc có thể lọc bỏ những khía cạnh kỹ thuật và văn hoá nước ngoài được coi là không thích hợp với những nhu cầu của Trung Quốc; và là dầu bôi trơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan với nền kinh tế đại lục. Đến đây, tác giả xin bổ sung thêm một nhận xét nữa là, chính các đặc khu kinh tế này tạo điều kiện cho Trung Quốc trở lại "con đường phát triển tuần tự" lên CNXH phù hợp với qui luật khách quan hơn.

### **3. Thành tựu phát triển và những thách thức mới của các đặc khu kinh tế Trung Quốc.**

#### **3.1 Những thành tựu**

##### **3.1.1 Những thành tựu kinh tế vi mô**

Các đặc khu kinh tế của Trung Quốc đã đạt được thành công to lớn từ những năm 1980. Ví dụ, tính đến năm 1997 GDP của 5 đặc khu kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 35% năm, và tổng giá trị sản lượng công nghiệp đạt 299 tỷ NDT, tăng 100 lần so với năm 1980. GDP đầu người ở đặc khu kinh tế Thâm Quyến và Chu Hải là hơn 3000 USD vào năm 1997, đứng thứ nhất và thứ hai cả nước vào thời kỳ đó. Vốn nước ngoài thực hiện là 33,4 tỷ USD, chiếm 15% đầu tư của cả nước. GDP và tổng kim ngạch xuất khẩu của 5 đặc khu kinh tế và Khu mới Phố Đông năm 1999 đạt 366,73 tỷ NDT và 36 tỷ USD, chiếm hơn 20% cả nước. Đặc biệt tỷ lệ tăng trưởng

trung bình hàng năm của đặc khu kinh tế Thâm Quyến từ năm 1979 đến năm 1999 đạt 31,25%, đứng đầu các thành phố lớn và vừa ở Trung Quốc.

Nếu kể cả các khu khai phát kinh tế và công nghệ, các khu thương mại tự do và các khu công nghệ cao mới thì các khu kinh tế tự do ở Trung Quốc còn đóng vai trò quan trọng hơn trong nền kinh tế quốc dân. Chẳng hạn, 32 khu khai phát kinh tế và công nghiệp chiếm gần 1/4 tổng số 140 các loại hình khu kinh tế tự do quốc gia đang phát triển rất nhanh. Đến năm 1998, tổng giá trị sản lượng công nghiệp của các khu này đạt tới 239.86 tỷ NDT, tăng 27,10% so với năm 1997. Doanh thu từ thuế đạt 17,85 tỷ NDT, tăng 20% so với năm 1997. Tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đạt 10,65 tỷ USD và 8,13 tỷ USD, tăng lần lượt 4,8% và 7,8% so với năm 1997, tỷ lệ tăng trưởng của các chỉ số cơ bản cao hơn mức trung bình của cả nước. Có 12 doanh nghiệp có tổng giá trị sản lượng công nghiệp vượt 10 tỷ NDT trong năm 1998.

Đến năm 1998, 32 khu khai phát kinh tế và công nghệ đã thu hút 13.454 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 4,1% của cả nước. Vốn nước ngoài thu hút được của các khu này và vốn nước ngoài được sử dụng đạt 50,81 và 28,04 tỷ USD, chiếm 8,9% và 10,5% tổng giá trị đầu tư của cả nước. Mức vốn nước ngoài trung bình và vốn nước ngoài được sử dụng trung bình là 3,77 và 2,08 triệu USD, cao hơn rất nhiều so với mức trung bình cả nước là 1,76 và 0,82 triệu USD. Có 1730 doanh nghiệp có mức đầu tư vượt 10 triệu USD. Trong số 500 công

phát triển hài hoà vì sự phát triển bất cân đối này, và có khả năng gây ra nhiều vấn đề chính trị và xã hội nghiêm trọng.

Việc thành lập các đặc khu kinh tế ở Trung Quốc và sự phát triển của chúng không cân xứng. Sự khác nhau về thời gian hình thành các đặc khu kinh tế đầu tiên với các khu khai phát sau này là 14 năm và 10 năm. Các loại hình khác nhau và thời gian thành lập khác nhau tạo ra các trình độ phát triển khác nhau của các đặc khu. Chẳng hạn, các đặc khu kinh tế và các khu phát triển kinh tế và công nghệ hình thành ban đầu đã đạt đến giai đoạn tăng trưởng và bắt đầu đến giai đoạn thịnh vượng. Những thách thức của chúng là làm sao để tránh suy thoái kinh tế và tiếp tục sự hưng thịnh của mình. Tuy nhiên, các đặc khu khác, như các khu thương mại tự do, các khu công nghệ cao và các khu phát triển tổng hợp đang trong quá trình chuyển đổi từ khởi nghiệp sang giai đoạn tăng trưởng, và thách thức của chúng là làm thế nào để có được tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, vì khác nhau về thời gian thành lập, các đặc khu cùng thể loại cũng đang trong giai đoạn phát triển khác nhau. Những khu hình thành sớm, các đặc khu kinh tế cấp quốc gia và cấp tỉnh, ở các vùng thuận lợi và có mô hình phát triển hợp lý đều trở thành những khu kinh tế phát triển cao, thành các thành phố hay đô thị hiện đại trong khi một số đặc khu kinh tế cấp quốc gia, đặc biệt là một số đặc khu kinh tế cấp tỉnh và địa phương với điều kiện địa lý không thuận lợi đã phải đối mặt với nhiều vấn đề và còn đang trong trạng thái tiến thoái lưỡng nan.

### *3.2.2 Những thách thức bên ngoài*

Những cam kết và luật sẽ ảnh hưởng đến chính sách ưu tiên ưu đãi của các đặc khu kinh tế vì Trung Quốc đã là thành viên đầy đủ của WTO năm 2001. Bên cạnh các nguyên tắc tối huệ quốc, đối xử quốc gia, lợi nhuận công bằng và cùng có lợi, giảm thuế hải quan, WTO cũng có những nguyên tắc khác về chống phá giá, chống trợ cấp, chống hạn ngạch, minh bạch, thống nhất về chính sách kinh tế và hệ thống thuế hải quan thấp. Tuy nhiên, một số chính sách ưu tiên ưu đãi của một số đặc khu kinh tế mâu thuẫn với những nguyên tắc này, điều này sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của các đặc khu kinh tế trong tương lai.

### **4. Hướng phát triển các đặc khu kinh tế Trung Quốc thời gian tới<sup>(3)</sup>**

Tháng 6 năm 1994, khi đi thị sát đặc khu kinh tế, Chủ tịch Giang Trạch Dân lúc đó khẳng định, quyết tâm phát triển đặc khu kinh tế của Trung ương không thay đổi, Trung ương cũng không thay đổi các chính sách cơ bản phát triển đặc khu kinh tế. Vị trí và vai trò của đặc khu kinh tế trong sự nghiệp cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá đất nước cũng không thay đổi. Cần phải đặt sự phát triển đặc khu kinh tế trong cả quá trình xây dựng hiện đại hoá XHCN, đặc khu phải phát huy ưu thế hơn nữa trong tình hình mới. Những chỉ thị này đã xác định rõ phương hướng phát triển cho các đặc khu kinh tế của Trung Quốc. Đến nay, các đặc khu kinh tế đầu tiên của Trung Quốc đã phát triển gần 30 năm, góp phần quan trọng vào công cuộc cải cách,

mở cửa nền kinh tế. Tuy nhiên, sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, cũng có ý kiến cho rằng vai trò của các đặc khu kinh tế sẽ giảm. Song đứng trước “giai đoạn phát triển mới, khởi điểm lịch sử mới” của Trung Quốc, nhiều nghiên cứu cho rằng, Trung Quốc vẫn cần nâng trình độ phát triển đặc khu lên tầm cao mới theo các hướng sau đây:

#### *4.1 Mở rộng tham gia phân công quốc tế*

Những năm 1980, mục tiêu chủ yếu của quá trình mở cửa với nước ngoài của Trung Quốc là nâng cao mức độ dựa vào thương mại, nhằm nâng cao tỉ trọng mậu dịch xuất nhập khẩu trong tổng giá trị sản xuất quốc dân. Bước vào những năm 1990, quá trình mở cửa đối ngoại của Trung Quốc bắt đầu từng bước tham gia vào sự chuyển hoá phân công quốc tế.

Tham gia phân công quốc tế đồng nghĩa với sự đa nguyên hoá việc mở cửa với nước ngoài và khu vực, có mối liên hệ mật thiết với thị trường tiền tệ quốc tế, nâng cao khả năng tận dụng vốn nước ngoài, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường v.v... Điều này dẫn đến những đòi hỏi mới đối với vai trò “cửa sổ” của đặc khu kinh tế, cụ thể là phải nắm rõ ưu thế so sánh quốc tế và trong nước, phải chú ý đến động thái điều chỉnh kết cấu mang tính quốc tế, phải theo sát và nắm rõ bước đi của các sản phẩm, nguồn vốn và thị trường lao động trên thế giới, phải xác định được vị trí của mình trong phân công quốc tế, phải nâng cao hơn nữa trình độ quản lý kinh tế và khả năng thu thập, phân tích thông tin.

#### *4.2 Đi tiên phong trong xây dựng cơ chế kinh tế thị trường, xây dựng kinh nghiệm quản lý kinh tế thị trường*

Đặc khu kinh tế mặc dù là khu vực kinh tế phát triển nhất của Trung Quốc, nhưng vẫn chưa hoàn thành quá trình cải cách thể chế kinh tế thị trường XHCN. Các đặc khu kinh tế đã có nền tảng khá vững trong cải cách mở cửa, song vẫn phải xây dựng thể chế kinh tế thị trường trong những năm tới.

Hiện nay trên thế giới các nước áp dụng các mô hình khác nhau trong thực hiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại, có sự khác biệt rất lớn trong mô hình tổ chức doanh nghiệp, kết cấu thị trường và trong cả lĩnh vực chính quyền.

Nhiều nghiên cứu của Trung Quốc cho rằng, với vai trò, vị trí của mình, đặc khu kinh tế vừa phải học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài, càng phải kết hợp với tình hình trong nước để thực hiện sáng tạo, đưa ra kinh nghiệm nhà nước quản lý hệ thống kinh tế thị trường

#### *4.3 Thu hút đầu tư của các công ty xuyên quốc gia, thúc đẩy các công ty Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài*

Các công ty xuyên quốc gia nắm giữ nguồn vốn, kỹ thuật, quản lý và thị trường chủ yếu của thế giới; kim ngạch thương mại của các công ty xuyên quốc gia (tính cả thương mại giữa các công ty xuyên quốc gia với nhau) chiếm 70% tổng kim ngạch thương mại thế giới. Đòi hỏi của công ty xuyên quốc gia đối với môi trường đầu tư khá cao, không chỉ đối với hiện tại, mà còn liên quan đến tính ổn định và xu hướng thay đổi trong

tương lai của môi trường đầu tư. Công ty xuyên quốc gia cũng rất quan tâm đến tiến trình cải cách mở cửa và điều kiện vĩ mô trong phát triển kinh tế. Do quá trình cải cách của Trung Quốc tiến chậm và ở giai đoạn bước đầu nên số công ty xuyên quốc gia vào Trung Quốc chưa nhiều. Thành tựu của mười mấy năm cải cách mở cửa, cùng với xu thế phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, và thể chế kinh tế thị trường XHCN được xác định là mô hình mục tiêu của cải cách thể chế kinh tế. Điều này khiến cho mấy năm gần đây số lượng công ty xuyên quốc gia đổ vào Trung Quốc khá đông, hơn nữa cũng đã bắt đầu tham gia vào cạnh tranh thị trường Trung Quốc. Nhiều công ty xuyên quốc gia nổi tiếng dự kiến sẽ tiến hành hợp tác với Trung Quốc khi nghiên cứu tương lai và dự báo thị trường của nước này.

Hiện nay, số khu vực và doanh nghiệp đủ điều kiện hợp tác với công ty xuyên quốc gia không nhiều, các đặc khu kinh tế phải đưa ra kinh nghiệm sáng tạo trong hợp tác với công ty xuyên quốc gia, hoàn thiện môi trường đầu tư theo tiêu chuẩn yêu cầu của công ty xuyên quốc gia.

Mặt khác, muốn thực hiện chiến lược công nghiệp hoá theo mô hình mở và tham gia vào phân công quốc tế còn phải thực hiện xuyên quốc gia hoá các doanh nghiệp Trung Quốc (các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài). Các công ty Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài được hình thành trong quá trình hợp tác với công ty xuyên quốc gia, đây cũng là hướng đi mới mà các đặc khu kinh tế cần

tìm hiểu. Hiện nay cũng có doanh nghiệp đã bắt tay vào vấn đề này nhưng mới chỉ là bước đầu.

#### *4.4 Phát huy vai trò quan trọng trong hệ thống hợp tác kinh tế Trung Hoa*

Theo nhiều nghiên cứu của Trung Quốc, hệ thống hợp tác kinh tế Trung Hoa là chỉ hệ thống hợp tác kinh tế được hình thành giữa Trung Quốc đại lục với Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan, đây là một hệ thống mở. Năm đặc khu kinh tế của Trung Quốc hiện nay là Thâm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn và Hải Nam đều có vị trí quan trọng trong hệ thống hợp tác kinh tế Trung Hoa vì các đặc khu này tiếp giáp Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan. Trong quá trình cải cách mở cửa mười mấy năm trước, sự giao lưu kinh tế giữa 5 đặc khu này với Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan rất phát triển, điều này đã tạo cơ sở cho sự hợp tác sâu rộng hơn từ nay về sau.

Năm 1997 với sự trở về của Hồng Kông, và năm 1999 là Ma Cao, đặc khu kinh tế Thâm Quyển và Chu Hải đã trở thành khu kết hợp một nước hai chế độ, giữ vai trò liên kết giữa hai chế độ. Đặc khu kinh tế Hạ Môn là khu kết hợp giữa Đại lục và Đài Loan. Sau bài phát biểu thúc đẩy đất nước thống nhất của Chủ tịch Giang Trạch Dân, sự hợp tác và giao lưu kinh tế giữa Đại lục và Đài Loan đã bước vào giai đoạn mới phồn vinh, đặc khu kinh tế có thể phát huy vai trò quan trọng.

#### *4.5 Lợi dụng thị trường tiên tiến, thu hút vốn để phát triển*

Nguồn vốn là nhân tố quyết định của công nghiệp hoá. Khả năng thu hút nguồn

vốn của đặc khu kinh tế khá tốt. Nhưng nếu ở phạm vi quốc tế, muốn thu hút nguồn vốn, đặc biệt thu hút vốn cho ngành chế tạo thì phải cải cách hơn nữa, cũng phải sáng tạo hơn trong mô hình sử dụng kết hợp vốn trong nước và vốn nước ngoài. Đặc khu kinh tế phải trở thành "cửa ngõ" thu hút vốn nước ngoài của cả nước, phải có sự phát triển mang tính đột phá trong xây dựng thị trường tiền tệ, phải xây dựng thị trường tiền tệ quốc tế hoá và phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

Sau quá trình cải cách mở cửa, đặc biệt bước vào thập niên 1990 thế kỷ XX, quá trình tiết kiệm tiền tệ và các hình thức tích lũy tài sản khác tăng nhanh, khác xa tình hình tích lũy tiền tệ trước năm 1978. Để thực hiện phát triển kinh tế và công nghiệp hoá, cần thúc đẩy sự lưu thông lượng tiền tích lũy trong xã hội, đây là đòi hỏi nhất thiết đối với việc duy trì tăng trưởng kinh tế cũng như phân chia lợi ích; nguồn vốn tích lũy được chuyển sang đầu tư sẽ phát huy được hiệu quả. Phải làm sao để mỗi người đều có cơ hội bình đẳng tham gia vào thị trường tiền tệ, đây cũng chính là ưu thế mà nền kinh tế thị trường mang đến cho người dân Trung Quốc. Do đó, đặc khu kinh tế phải tìm hiểu sâu hơn con đường thực hiện đa nguyên hoá tài sản tiền tệ, sẽ có lợi cho việc chuyển tích lũy thành đầu tư. Các cơ quan quản lý đầu tư sẽ xuất hiện, sẽ nâng cao được hiệu quả đầu tư; từ đó giúp hoàn thành quá trình cải cách cơ chế và thể chế đầu tư. Đồng thời, thực hiện tiếp xúc giữa đặc khu kinh tế với hệ thống tiền tệ quốc tế.

#### *4.6 Chức năng phát triển khu tự do thương mại quốc tế*

Đặc khu kinh tế của Trung Quốc được xây dựng theo yêu cầu của cải cách mở cửa, và tham khảo cách làm của nước ngoài trong thành lập khu gia công xuất khẩu và khu tự do thương mại. Đặc khu đã thực hiện những chính sách và biện pháp ưu đãi khác các khu vực khác, có chức năng kinh tế tổng hợp, nhưng vẫn chưa có chức năng của khu tự do thương mại. Từ nhu cầu phát triển và tham gia vào phân công quốc tế cho thấy, cần suy nghĩ đến việc để đặc khu kinh tế có cả chức năng của khu tự do thương mại. Đặc khu kinh tế theo mô hình này đã có ở một số nước phát triển, và vẫn đang phát triển cùng với sự phát triển của thị trường.

Khu tự do thương mại giống như một thị trường quốc tế, cơ quan thương mại của các nước đều có thể được xây dựng tại đây, và có thể thực hiện thương mại quốc tế đa nguyên hoá. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc nắm bắt thông tin của thị trường quốc tế, thúc đẩy doanh nghiệp trực tiếp tham gia và giao lưu với nền kinh tế thế giới. Xét đến chức năng tổng hợp mà đặc khu kinh tế Trung Quốc đã có, thì khu tự do thương mại trong tương lai phải là khu kinh tế tổng hợp đa chức năng như tài chính, đầu tư, chế tạo và tự do thương mại v.v...

### **III. NHỮNG GỢI Ý CHO VIỆT NAM TỪ SỰ PHÁT TRIỂN CÁC ĐẶC KHU KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC**

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đi đến kết luận, sự phát triển kinh tế kỳ diệu

của Trung Quốc 30 năm qua chủ yếu do chính sách cải cách mở cửa đưa đến, trong đó sự sáng tạo ra các hình thức mở cửa đối ngoại vùng duyên hải – các đặc khu kinh tế từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ miền duyên hải tiến sâu dần vào lục địa đóng vai trò rất quyết định.

Nghiên cứu của chúng tôi cho phép đi đến kết luận, *mọi loại hình đặc khu kinh tế của Trung Quốc đều là những gợi ý tốt cho Việt Nam, đều có thể vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam trong thời đại mới toàn cầu hoá kinh tế ngày nay, trong đó đáng chú ý nhất là các loại hình đặc khu kinh tế như các đặc khu kinh tế kỹ thuật duyên hải, các khu bảo thuế duyên hải, các thành phố mở cửa duyên hải, và tổng hợp hơn, bao trùm lên tất cả các loại hình trên là các tam giác tăng trưởng kinh tế duyên hải hay các cực tăng trưởng duyên hải.*

Vấn đề đặt ra cho nghiên cứu của chúng tôi là, trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, chúng ta cần đột phá ở khâu nào? Việt Nam có thể đột phá kinh tế biển, tập trung trí tuệ mở cửa vùng duyên hải, có thể chủ động tạo ra một số đô thị quốc tế hoá cao như Hồng Kông, Du-bai ở cả ba miền đất nước, hình thành các cửa mở lớn hướng ra Biển Đông, nối kinh tế trong nước với thế giới, thu hút nguồn lực của thế giới vào phát triển kinh tế đất nước, tạo thế độc lập trường tồn của dân tộc, làm cho đất nước ta mãi mãi sánh với cường quốc năm châu bốn biển được không? Nghiên cứu

của chúng tôi cho rằng, Việt Nam hoàn toàn có khả năng làm được việc trên với những luận chứng sau đây:

**1. Về lý luận và thực tiễn**, chúng ta có lý luận về “chính sách kinh tế mới” của Lênin, trong đó đáng chú ý là luận điểm về tô nhượng, rằng một nước XHCN có thể vận dụng giải pháp tô nhượng để thu hút nguồn lực của thế giới vào xây dựng phát triển nền kinh tế XHCN. Rất tiếc là Lênin chưa thực hiện được “chính sách kinh tế mới” thì đã qua đời. Trong sự bao vây cô lập nhà nước Xô Viết non trẻ của các nước đế quốc lúc bấy giờ, Stalin đã thực hiện chính sách tự lực xây dựng CNXH, nên giải pháp tô nhượng không có điều kiện thực hiện ở Liên Xô cũ.

Tuy không có thực tiễn về một nước XHCN chủ động thực hiện chính sách tô nhượng như Lênin đề xuất, nhưng chúng ta lại có một thực tiễn đầy sức thuyết phục về tô nhượng Hồng Kông, mặc dù nhà Thanh (Trung Quốc) phải ký hiệp định tô nhượng Hồng Kông trong tư thế “mất nước” cho đế quốc Anh cách đây 100 năm. Nhưng sau 99 năm, Hồng Kông đã trở về Trung Quốc theo hiệp định, và sau 10 năm Hồng Kông trở về Trung Quốc, với chính sách “một quốc gia hai chế độ”, vai trò của Hồng Kông đối với sự nghiệp cải cách mở cửa, phát triển kinh tế của Trung Quốc là rất lớn. Hồng Kông thực sự là cửa mở lớn nhất phía Nam Trung Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế đại lục hội nhập với thế giới, đưa nguồn lực thế giới vào phát triển kinh tế đại lục; thúc đẩy cải cách



kinh tế thị trường đại lục; và ngày càng lộ rõ khả năng dung hợp giữa kinh tế Hồng Kông với kinh tế đại lục, tạo điều kiện cho nền kinh tế Trung Quốc phát triển hơn trong tương lai.

Đó là một chứng minh hùng hồn về khả năng có thể có một đô thị quốc tế hoá cao, một hệ thống kinh tế tự do nhất thế giới trong một quốc gia đang phát triển đi theo con đường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc.

**2. Điều kiện toàn cầu hoá kinh tế hiện nay** còn cho phép một quốc gia đang phát triển có lợi thế về địa kinh tế, vị trí trung tâm của một khu vực phát triển, lợi thế kinh tế biển có thể chủ động xây dựng một số đô thị quốc tế hoá cao, thể chế kinh tế tự do hiện đại nhất, có khả năng trở thành cánh cửa quan trọng đưa kinh tế trong nước hội nhập với kinh tế thế giới, đưa các nguồn lực thế giới vào phát triển kinh tế trong nước. Đô thị quốc tế hoá cao Dubai trong quốc gia các Tiểu vương quốc Ả-rập là minh chứng hùng hồn cho vấn đề này<sup>(4)</sup>.

**3. Việt Nam hiện có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho việc xây dựng một vài đô thị quốc tế hoá, khu kinh tế tự do ven biển kiểu Hồng Kông, thành phố quốc tế Dubai... ở cả ba miền đất nước,** phát huy thế mạnh kinh tế biển của nước nhà trong thời đại mới, tạo ra các cánh cửa mở lớn, các cầu nối kinh tế Việt Nam với thế giới, biến nơi đây thành các cực tăng trưởng kinh tế có sức thu hút mạnh các nguồn lực thế giới vào phát triển kinh tế đất nước, có sức kéo các vùng trong nước

cùng phát triển, thúc đẩy công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập sâu rộng nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu.

Việt Nam hiện đã hội đủ các yếu tố để thực hiện các đột phá phát triển như trên. Đó là, Việt Nam đã phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, kiên trì đường lối đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá; sẵn sàng là bạn với tất cả các nước; chính sách đổi mới mở cửa kinh tế 20 năm qua đã thu được những thành quả tốt đẹp, cùng với sự ổn định về chính trị, Việt Nam thật sự trở thành điểm đến đáng tin cậy của các nhà đầu tư trên thế giới.

Việt Nam có ưu thế rõ rệt về biển. Với chiều dài 3200 km bờ biển chạy dọc đất nước từ Bắc xuống Nam, nhiều cảng nước sâu, nhiều vịnh đẹp, tiềm năng kinh tế biển cực kỳ lớn. Đúng như ông cha ta đã tổng kết về địa giới phát triển đất nước là “Tam sơn, tứ hải, nhất phần điền” (ba phần núi, bốn phần biển, một phần đất). Thời đại khoa học công nghệ mới, thời đại toàn cầu hoá kinh tế càng làm cho tiềm năng kinh tế biển Việt Nam tăng thêm bội phần.

Việt Nam nằm ở vị trí chiến lược xung yếu – án ngữ Biển Đông - tuyến vận tải đường biển giao thương quốc tế quan trọng trên Thái Bình Dương; chiếm lĩnh được vị trí này cũng có nghĩa là khống chế được Biển Đông. Điều này lý giải thực tế lịch sử mấy ngàn năm qua, Việt Nam luôn là địa bàn giành giật ảnh hưởng của các nước lớn. Ngược lại, trong điều kiện toàn cầu hoá kinh tế mạnh mẽ ngày nay, không một nước lớn nào muốn Việt Nam nằm trong ảnh hưởng riêng

của một nước lớn nào đó, khả năng Việt Nam trở thành sân chơi chung của tất cả các nước ngày càng lớn, và mỗi nước đều tìm thấy lợi ích của mình trên mảnh đất Việt Nam hoà bình, ổn định, mở cửa, phát triển.

Ngoài những điều kiện cần và đủ để Việt Nam tiến ra biển, phát triển mạnh mẽ kinh tế biển, với các điểm tăng trưởng mạnh mang tầm thời đại – các khu kinh tế tự do, các thành phố quốc tế hoá cao ven biển, Việt Nam còn đứng trước sức ép lớn của các chiến lược phát triển kinh tế biển của các nước trong khu vực, đặc biệt là của Trung Quốc. Với chiến lược “một trục hai cánh”, trọng tâm là cánh hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ giữa Trung Quốc với các nước ASEAN, với sự tập trung sức lực và trí tuệ của cả nước xây dựng khu kinh tế Vịnh Bắc Bộ Quảng Tây - cực tăng trưởng mới thứ tư của Trung Quốc, Trung Quốc thực sự đang coi khai thác kinh tế Biển Đông trong khung khổ hợp tác Trung Quốc – ASEAN là trọng tâm chiến lược phát triển kinh tế của mình từ nay đến năm 2020. Trước sức ép to lớn này, nếu Việt Nam thiếu quyết tâm chiến lược đột phá kinh tế biển với các điểm tăng trưởng mạnh như trên trình bày, Việt Nam sẽ mất dần lợi thế kinh tế biển với đối tác mạnh là Trung Quốc, sẽ mất lợi thế khai thác “nhà mặt tiền - Biển Đông” vô cùng quý giá đang có hiện nay.

#### **4. Sự lựa chọn mô hình đột phá kinh tế biển của Việt Nam ngày nay.**

Trong nghiên cứu này chúng tôi tập trung nghiên cứu nền kinh tế tự do

Hồng Kông trong chính sách “một quốc gia hai chế độ” của Trung Quốc, từ đây cho phép rút ra kết luận, Việt Nam có thể chủ động xây dựng mô hình này để phát triển. Tuy nhiên, vì là nước đi sau, chúng ta có điều kiện lựa chọn mô hình hiệu quả hơn trong tình hình thế giới ngày nay.

Mô hình Hồng Kông khởi nguồn là tô nhượng thuộc địa của Anh, quá trình hình thành phát triển nền kinh tế tự do này trải qua 100 năm mới đạt trình độ phát triển hiện nay. Về thời gian, đó chưa phải là mô hình lý tưởng cho sự lựa chọn của chúng ta.

Mô hình đặc khu Thâm Quyến được xem là thành công nhất của Trung Quốc, đạt tới trình độ khu kinh tế mở hiện đại nhất Trung Quốc cũng mất 30 năm. Và điều kiện quan trọng hàng đầu cho đặc khu kinh tế Thâm Quyến thành công là nó liền kề với Hồng Kông. Nói cách khác, không có Hồng Kông sẽ không có Thâm Quyến. Điều này cho thấy mô hình đặc khu Thâm Quyến cũng khó có thể thực hiện ở Việt Nam. Nếu thực hiện, chúng ta cần một thời gian dài hơn nhiều so với 30 năm của Thâm Quyến và khó có khả năng đạt được những thành tựu rực rỡ như Thâm Quyến.

Mô hình Khu mới Phố Đông Thượng Hải của Trung Quốc là mô hình cần hướng tới của Việt Nam ngày nay. Tuy nhiên, mô hình thành phố quốc tế Dubai xem ra có thể là điểm đột phá kinh tế biển lý tưởng nhất của Việt Nam ngày nay. Thời gian đầu tư để thành phố quốc

tế Dubai phát huy hiệu quả chỉ mất 15 năm. Vị thế kinh tế biển và vị thế kinh tế khu vực của Việt Nam hơn cả Dubai. Do vậy, Việt Nam có thể thí điểm xây dựng thành phố quốc tế theo mô hình Dubai dưới nhiều hình thức: tô nhượng, liên doanh.....



#### CHÚ THÍCH:

(1) Tôn Kế Vi, Trả lời phỏng vấn báo Kinh doanh Trung Quốc số 2/2007.

(2) Trung Kiên, *Mấy vấn đề phát triển kinh tế Hồng Kông sau khi trở về Trung Quốc*. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Vấn đề và triển vọng Hồng Kông sau 10 năm trở về Trung Quốc”.

(3) Tham khảo Lý Bạch Khê, Ban nghiên cứu dự báo phát triển, <http://gb.cri.cn3821/2005-08-16/1245@662752.htm>

(4) Xem báo cáo về đô thị quốc tế hoá Dubai của Võ Đại Lược. Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương kỳ 1 tháng 6 năm 2008 (số 218) và “Dubai - quốc tế và hiện đại”- phụ lục kèm theo báo cáo này.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỦ YẾU

1. Nguyễn Kim Bảo, *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc từ 1979 đến nay*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2000.

2. Nguyễn Minh Hằng, *Kinh tế đối ngoại CHNDTH thời kỳ cải cách mở cửa*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1998.

3. Trương Mậu (chủ biên), *Kế hoạch hành động của thành phố Bắc Kinh thời kỳ quá độ gia nhập WTO*, Nxb Văn kiện KHXH (Bắc Kinh, Trung Quốc), 2003.

4. Võ Đại Lược (chủ biên), *Thâm Quyến: Phát triển thần kỳ - hiện đại hoá - quốc tế hoá*, Nxb Thế giới, 2008.

- Các báo cáo Hội thảo quốc tế “Vấn đề và triển vọng Hồng Kông sau 10 năm trở về Trung Quốc”.

5. Trần Quảng Hán, Trương ứng Vũ (Trung tâm nghiên cứu Tam giác sông Chu - Hồng Kông – Ma Cao, Đại học Trung Sơn), *Chuyển đổi mô hình kinh tế Hồng Kông: hiện trạng và tương lai*.

6. Viên Trí Bình, Điền Diễm, Doãn Lệ Lệ (Trung tâm nghiên cứu Tam giác sông Chu Hồng Kông – Ma Cao, Đại học Trung Sơn), *Sự phát triển kinh tế thương mại Hồng Kông sau 10 năm trở về Trung Quốc*.

7. Trung Thánh (Trung tâm nghiên cứu đặc khu kinh tế Trung Quốc, Đại học Thâm Quyến), *Mấy vấn đề phát triển kinh tế Hồng Kông sau 10 năm trở về Trung Quốc*.

#### - Sách và tạp chí:

8. Trần Quảng Hán, “*Diễn tiến và chuyển biến quan hệ kinh tế thương mại Trung Quốc lục địa với Hồng Kông, Ma Cao*”, nghiên cứu kỳ 2, 2006.

9. Dương Lập Môn, “*CEPA nâng cao địa vị thương mại công nghiệp Hồng Kông*”, Niên giám kinh tế Hồng Kông 2006, Kinh tế đạo báo xã, 2006.